TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 295/2020/DS-ST
Ngày: 17/7/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ma Văn Nhất

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nịnh Thị Tuyết Mai
2/ Bà Nguyễn Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Thế Chung - cán bộ Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 681/2017/TLST-DS Ngày 22 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2020/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 342/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Ng đơn*: Ông **Nguyễn Hữu H** , 1970;
Trú tại: 8C, đường Lê Văn K (đường cũ: Đông TH 8-1) tổ 25 ấp 4, xã Đ TH , huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh - (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ng** , 1938;
Trú tại: A, tổ 71, khu phố 3, phường T, quận 12, Thành Phố Hồ Chí Minh (vắng mặt không có lý do).

Người làm chứng: ông **Trần Nhân Q**, 1971
Trú tại: D, đường Lê Văn K (đường cũ: Đông TH 8-1) tổ 25 ấp 4, xã Đ TH , huyện Hóc M, Thành Phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, Các biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Ng đơn Nguyễn Hữu H trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết, vào ngày 10/10/2014 tôi có cho bà Nguyễn Thị Ng vay số tiền 1.200.000.000 đ(một tỷ hai) trong vòng 3 tháng phải hoàn trả cho tôi(theo hợp đồng vay mượn ngày 10/10/2014). Hết thời gian 3 tháng, tôi nhiều lần đến đòi tiền nhưng bà Ng lẩn tránh và không có thiện chí trả nợ. Vì vậy tôi khởi kiện bà Nguyễn Thị Ng ra tòa án, yêu cầu bà Ng thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng.

Ông yêu cầu Toà án giải quyết là buộc bà Nguyễn Thị Ng phải hoàn trả cho ông số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng (một tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng nhà nước (7,5%/năm, tức 0,625/tháng) tính từ tháng 10/2014 cho đến khi kết thúc phiên tòa, tạm tính đến 17/7/2020 là 5 năm 7 tháng 17 ngày (67,57 tháng) được với số tiền: 1.200.000.000 đồng x 0,625%/tháng x 67,57 tháng = 506.775.000 đồng, tổng cộng bà Ng phải trả cho ông H là 1.706.775.000 (một tỷ, bảy trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Số tiền của ông cho bà Ng vay, đây là tiền riêng của ông và ông chỉ cho mình bà Ng vay, bà Ng phải chịu trách nhiệm trả nợ, không liên quan đến người khác.

*Tại bản tự khai ngày 30/3/2018 bà Nguyễn Thị Ng là bị đơn trình bày:

Năm 2013 ông H có cho bà mượn tiền san lấp ao cá, lợp mái tôn và làm cửa khu vực nhà bà tại ấp 8, xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi để ông H ở, quá trình sửa chữa ông H đưa dần tổng cộng là 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng mỗi tháng trả 0,5% tính tiền mặt là 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng/tháng, có những tháng không kịp trả ông H cho người đến chửi bới, hành hung, đe dọa bà đủ điều nhiều lần.

Năm 2015 ông H bắt bà ghi 04 tờ giấy nợ bắt bà ký khống sau đó kiện bà ra Tòa án yêu cầu bà trả 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng. Bà xác định là bà chỉ nợ ông H 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng và có đóng lãi một thời gian. Ngoài ra bà không nhận gì thêm của ông H .

* Người làm chứng: Ông Trần Nhân Quyền có bản tự khai gửi cho Tòa án:

Tôi tên Trần Nhân Quyền ở tại địa chỉ: xã Đông TH , huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh kế bên nhà ông Nguyễn Hữu H . Vào năm 2013-2014 bà Ng có mượn tiền của ông H và nhờ tôi làm chứng, tôi đã ký làm chứng nhiều lần vào nhiều tờ giấy vay nợ khác nhau. Có nhiều lần ông H gửi tôi tiền đưa cho bà Ng vì ông H đi vắng. Có lần 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, có lần 100.000.000 (một trăm triệu) đồng chính tôi đã đưa tận tay cho bà Ng tại nhà tôi. Tôi cam đoan trên đây là sự thật, nếu sai tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Ng đơn có mặt và vẫn giữ Ng trình bày cùng yêu cầu khởi kiện của mình, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản giữa hai bên theo Hợp đồng vay mượn ngày 10/10/2014. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn hiện đang cư trú tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về thủ tục:

Đối với các đương sự có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử và vắng mặt không lý do tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt.

3/ Về các yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở để xác định:

Theo tờ Hợp đồng vay mượn ngày 10/10/2014 thì bên A (người cho vay mượn) là ông Nguyễn Hữu H và bên B (người vay mượn) là bà Nguyễn Thị Ng . Theo đó bà Ng vay của ông H số tiền 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng từ ngày 10/10/2014. Có thỏa thuận sau ba tháng bà Ng phải trả lại số tiền vay cho ông H .

Tại bản tự khai ngày 30/3/2018 bà Ng có khai bà chỉ vay của ông H số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng chứ không phải là 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng như ông H khởi kiện bà. Tuy nhiên, ngoài lời trình bày này bà Ng không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho việc trình bày trên của bà. Mặt khác, theo chứng cứ trong hồ sơ thể hiện, bà Ng đã rất nhiều lần vay mượn tiền của ông H . Việc vay mượn còn có người làm chứng ký xác nhận trong tờ giấy vay giữa ông H và bà Ng . Do đó không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày trên của bà Ng .

Theo như Hợp đồng vay mượn ngày 10/10/2014 bà Ng có vay của ông H số tiền là 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng, đã ký tên và điểm chỉ vào tờ giấy vay mượn này. Đây là sự tự nguyện của đương sự và thỏa mãn các quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về Hợp đồng vay tài sản. Các đương sự cũng thỏa thuận rõ ràng sau ba tháng bà Ng phải trả số tiền này cho ông H nhưng bà Ng đã vi phạm nên phải chịu tiền lãi theo quy định tính từ ngày bà Ng vi

phạm Hợp đồng theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bà Ng vay của ông H số tiền 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng và tiền lãi theo yêu cầu của Ng đơn. Cụ thể, bà Ng phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng nhà nước (7,5%/năm, tức 0,625/tháng) tính từ tháng 10/2014 cho đến khi kết thúc phiên tòa, tạm tính đến ngày 17/7/2020 là 5 năm 7 tháng 17 ngày (67,57 tháng) được với số tiền: 1.200.000.000 đồng x 0,625%/tháng x 67,57 tháng = 506.775.000 đồng, tổng cộng bà Ng phải trả cho ông H là 1.706.775.000 (một tỷ, bảy trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

3/ Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ng thuộc trường hợp người già nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện cho ông Nguyễn Hữu H .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 466, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ng đơn:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ng phải trả cho ông Nguyễn Hữu H toàn bộ số tiền nợ gốc đã vay tại Hợp đồng vay mượn ngày 10/10/2014 là 1.200.000.000 (một tỷ, hai trăm triệu) đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 10/2014 đến 17/7/2020 là 506.775.000 (năm trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng, tổng cộng là **1.706.775.000** (một tỷ, bảy trăm lẻ sáu triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng. Trả ngay khi bản án có hiệu lực thi hành.

Việc giao nhận tiền do các bên tự nguyện thực hiện hoặc thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày Ng đơn có đơn thi hành đối với các khoản tiền nêu trên mà bị đơn chưa thanh toán cho Ng đơn thì bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Ng được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định vì thuộc trường hợp người già.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp khi khởi kiện là 27.000.000 (hai mươi bảy triệu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034873 ngày 22/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ma Văn Nhất